

Số: 40 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công trung hạn  
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Thực hiện Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021  
2025;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 82/TTr-UBND  
ngày 21 tháng 7 năm 2021 về việc cho ý kiến về phương án phân bổ Kế hoạch  
đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương; Báo  
cáo thẩm tra số 68/BC-KTNS ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân  
sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân  
dân thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 -  
2025 nguồn ngân sách Trung ương, gồm những nội dung chủ yếu sau:

**1. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021  
- 2025 nguồn ngân sách Trung ương.**

1.1 Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước).

- Bố trí vốn thu hồi các khoản vốn ứng trước.

- Tập trung bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết  
vùng, đường ven biển.



## 1.2 Vốn nước ngoài (vốn cấp phát).

- Tập trung bố trí vốn cho các dự án có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nhưng còn thiếu vốn và Hiệp định vay của dự án còn hiệu lực.

- Tập trung bố trí vốn cho các dự án hoàn thành và kết thúc hiệp định vay trong giai đoạn 2021 - 2025, không có khả năng gia hạn.

## 2. Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương

2.1 Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước) là 4.077,19 tỷ đồng

2.2 Vốn nước ngoài là 612,10 tỷ đồng

## 3. Phương án bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

### Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2021. /.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ KH và ĐT;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở: TC, KH và ĐT;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Báo HP, Đại PT và THHP;
- Các CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Lưu VT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Lập**

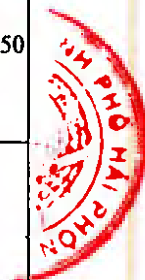
## Phụ lục số I

## NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSTW TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 40 /NQ-HĐND ngày 12 /8 /2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT       | Danh mục dự án   | Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm                         |                                |                  | Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |                                 |
|----------|--|---|--------------------------------|------------------|--|---------------------------------|
|          |  | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành   | TMĐT                           |                  | Vốn NSTW   |                                 |
|          |  |   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW   | Tổng số  | Trong đó: thu hồi vốn ứng trước |
|          | <b>TỔNG SỐ</b>   |   | <b>15.973.733</b>              | <b>7.278.363</b> | <b>4.077.190</b>   | <b>659.190</b>                  |
| <b>I</b> | <b>Thu hồi các khoản vốn ứng trước</b>   |   | <b>5.727.355</b>               | <b>3.783.363</b> | <b>659.190</b>   | <b>659.190</b>                  |
| I        | Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Khu bay Cảng hàng không quốc tế Cát Bi   | 375/QĐ-UBND, 15/02/2013;<br>3095/QĐ-UBND, 12/12/2016;<br>167/QĐ-UBND, 23/01/2017;<br>1396/QĐ-UBND, 13/6/2019; 1472/QĐ-UBND, 26/6/2019 | 3.660.815                      | 2.483.363        | 579.440  | 579.440                         |
|          | Đường bao Đông Nam quận Hải An đoạn từ khu vực chân cầu Rào đến vị trí giao với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng                 | 587/QĐ-UBND 04/9/2009;<br>1195/QĐ-UBND 31/7/2012  | 2.066.540                      | 1.300.000        | 79.750   | 79.750                          |
| II       | Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững                  |   | 2.887.357                      | 1.496.000        | 1.419.000  |                                 |
| I        | Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025  |   | 946.367                        | 396.000          | 319.000  |                                 |
| I        | Dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến đường bộ ven biển qua địa bàn thành phố Hải Phòng từ ĐT.353 đến cầu Thái Bình (Km0-Km19+645) | 2513/QĐ-UBND, 24/8/2020   | 946.367                        | 396.000          | 319.000  |                                 |



| TT         | Danh mục dự án   | Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm |                                |                  | Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 |                                 |
|------------|--|---|--------------------------------|------------------|--|---------------------------------|
|            |  | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành   | TMĐT                           |                  | Vốn NSTW   |                                 |
|            |  |   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW   | Tổng số  | Trong đó: thu hồi vốn ứng trước |
| <b>2</b>   | <b>Dự án khởi công mới</b>   |   | <b>1.940.990</b>               | <b>1.100.000</b> | <b>1.100.000</b>   |                                 |
| 1          | Dự án đầu tư xây dựng cầu Bến Rừng nối huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh | 50/NQ-HĐND ngày 22/12/2020  | 1.940.990                      | 1.100.000        | 1.100.000  |                                 |
| <b>III</b> | <b>Đầu tư các dự án khác có tính chất kết nối Hải Phòng với các địa phương khác</b>                                |   | <b>7.359.021</b>               | <b>1.999.000</b> | <b>1.999.000</b>   | -                               |
| 1          | Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang thực hiện và hoàn thành năm 2021                                   |   | 1.983.705                      | 306.696          | 306.696  | -                               |
| 1          | Dự án đầu tư xây dựng cầu Đình   | 2660/QĐ-UBND, 31/10/2019; 3877/QĐ-UBND, 24/12/2020  | 269.440                        | 70.000           | 70.000   |                                 |
| 2          | Dự án đầu tư xây dựng cầu Quang Thanh  | 2661/QĐ-UBND, 31/10/2019; 3876/QĐ-UBND, 24/12/2020  | 398.600                        | 156.696          | 156.696  |                                 |
| 3          | Dự án đầu tư cải tạo đường 359 đoạn từ Cầu Bính đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên                                 | 2931/QĐ-UBND, 31/10/2017; 3928/QĐ-UBND, 29/12/2020  | 1.315.665                      | 80.000           | 80.000   |                                 |
| <b>2</b>   | <b>Dự án khởi công mới</b>   |   | <b>5.375.316</b>               | <b>1.692.304</b> | <b>1.692.304</b>   | -                               |
| 1          | Dự án đầu tư xây dựng cầu Nguyễn Trãi  |   | 5.375.316                      | 1.692.304        | 1.692.304  |                                 |

**BIỂU II: NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CÁC DỰ  
ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA)**

*(Kèm theo Nghị quyết số 40 /NQ-HĐND ngày 12 / 8 /2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| Stt      | Dự án   | Hiệp<br>định đã<br>ký | Quyết định phê<br>duyet dự án  |   | Tổng mức đầu tư |           |           | Dự kiến kế<br>hoạch đầu tư<br>công trung hạn<br>giai đoạn 2021-<br>2025 nguồn vốn<br>nước ngoài (vốn<br>ODA cấp phát) |             |
|----------|---|-----------------------|--|---|-----------------|-----------|-----------|---|-------------|
|          |   |                       | Số<br>quyết<br>định  | Ngày,<br>tháng,<br>năm  | Tổng số         | Vốn ODA   |           |   |             |
|          |   |                       |  |   |                 | Tổng số   | Cấp phát  |   | Vay lại     |
|          | <b>TỔNG SỐ</b>  |                       |  |   |                 |           |           | 612.100,000   |             |
| <b>I</b> | <b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</b>  |                       |  |   |                 |           |           | 612.100,000   |             |
| 1        | Dự án Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố HP giai đoạn I (Bao gồm cả Dự án tái định cư Gia Minh phục vụ GPMB hợp phần quản lý chất thải rắn) |                       | 2333<br>1110<br>1807<br>2469<br>1727<br>1752<br>186<br>303<br>1821<br>1254<br>230<br>577<br>1029<br>1573 | 25/10/2006<br>04/07/2008<br>11/9/2009<br>09/12/2009<br>18/10/2010<br>20/10/2010<br>09/02/2012<br>08/3/2012<br>23/9/2013<br>05/7/2013<br>04/02/2016<br>15/3/2017<br>04/5/2017<br>05/7/2018 | 5.788.954       | 4.491.980 | 3.671.615 | 820.365   | 95.578,860  |
| 2        | Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai   |                       | 1236<br>930<br>2591  | 30/5/2016;<br>30/5/2016;<br>05/10/2017  | 101.085         | 84.172    | 42.086    | 42.086  | 40.784,439  |
| 3        | Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tình chống chịu vùng ven biển   |                       | 2638   | 30/10/2019  | 885.860         | 757.960   | 575.010   | 182.950   | 67.647,701  |
| 4        | Nâng cấp nhà máy nước An Dương  |                       | 2816<br>1510<br>901  | 11/12/2015<br>29/6/2018<br>31/3/2020  | 421.432         | 408.089   | 408.089   |   | 408.089,000 |